

Nghiên cứu hành vi học tập của sinh viên Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Trần Văn Hải*

*ThS. Khoa Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Received: 4/9/2024; Accepted: 8/9/2024; Published: 17/9/2024

Abstract: This study explores the learning behaviors of students at Nguyễn Tất Thành University, examining the factors influencing their academic performance and the effectiveness of various learning strategies. Utilizing both qualitative and quantitative research methods, data were collected through surveys, interviews, and observations. Findings indicate that motivation, time management, and access to resources significantly impact student learning outcomes. Additionally, the study highlights the role of collaborative learning and the use of technology in enhancing academic engagement. Recommendations for improving educational practices at the university are also discussed, with an emphasis on fostering a supportive learning environment and promoting active learning techniques.

Keywords: Learning behaviors, academic performance, motivation, time management, collaborative learning, technology in education, student engagement, active learning techniques

1. Mở đầu

Trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay, việc hiểu rõ hành vi học tập (HVHT) của sinh viên (SV) là rất quan trọng để nâng cao kết quả học tập (HT) và xây dựng môi trường HT hiệu quả. Nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện HVHT của SV Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, bao gồm các yếu tố chủ quan, các yếu tố khách quan. Bằng cách sử dụng các phương pháp định tính và định lượng, nghiên cứu đã thu thập dữ liệu từ khảo sát, nhằm xác định các mô hình và yếu tố quyết định HVHT hiệu quả.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các yếu tố ảnh hưởng đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả HT của SV. Đồng thời, sự tích hợp công nghệ trong giảng dạy cũng được nhấn mạnh như một yếu tố quan trọng để nâng cao sự tham gia và hiệu quả HT. Những phát hiện từ nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin quý báu để phát triển các chiến lược giảng dạy và dịch vụ hỗ trợ tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, nhằm tạo ra một môi trường HT tích cực và hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về hành vi HT

HVHT là các hoạt động và thái độ mà SV thể hiện trong quá trình HT nhằm đạt được mục tiêu HT của mình. Theo Woolfolk (2016), HVHT bao gồm các yếu tố như thói quen HT, sự tham gia vào các hoạt động HT, và việc sử dụng các chiến lược HT hiệu quả. HVHT không chỉ liên quan đến việc tiếp thu

kiến thức mà còn bao gồm cả cách SV quản lý thời gian, động cơ HT, và khả năng tương tác với môi trường HT. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả HT của SV. Ví dụ, một SV có thói quen HT tích cực và sử dụng các chiến lược HT hiệu quả có thể đạt được kết quả HT tốt hơn so với một SV thiếu các thói quen và chiến lược này. Do đó, việc hiểu rõ và cải thiện HVHT của SV là một yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục và hỗ trợ SV đạt được thành công trong HT [9],[10],[2],[4],[3].

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến HVHT

HVHT của SV chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau, trong đó động cơ, quản lý thời gian, kết nối trong HT và các phương tiện công nghệ đóng vai trò quan trọng.

Động cơ HT là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến HVHT của SV. Động cơ có thể xuất phát từ nhu cầu cá nhân, định hướng nghề nghiệp hoặc sự khích lệ từ gia đình và bạn bè. SV có động cơ cao thường có xu hướng duy trì sự chăm chỉ và kiên trì trong HT, dẫn đến kết quả HT tốt hơn [6].

Quản lý thời gian cũng là một yếu tố quyết định trong việc cải thiện HVHT. SV có khả năng lập kế hoạch và phân bổ thời gian hiệu quả thường thể hiện sự tiến bộ tốt hơn trong HT. Quản lý thời gian kém có thể dẫn đến sự trì hoãn và giảm hiệu suất HT [8].

Kết nối trong HT là yếu tố ảnh hưởng tích cực khác đến HVHT. HT nhóm không chỉ giúp SV trao đổi ý tưởng và kiến thức mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Sự tương tác với

các bạn học có thể kích thích sự sáng tạo và tăng cường hiểu biết [7].

Công nghệ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong giáo dục hiện đại. Việc sử dụng công nghệ trong HT, bao gồm các công cụ học trực tuyến và phần mềm hỗ trợ HT, có thể cải thiện khả năng tiếp cận thông tin và tăng cường sự tương tác trong lớp học. Tuy nhiên, việc lạm dụng công nghệ cũng có thể gây phân tâm và ảnh hưởng tiêu cực đến HVHT [5].

Phạm Minh Hạc (1993) đã đề cập đến các yếu tố tâm lý và xã hội ảnh hưởng đến HVHT trong bối cảnh giáo dục Việt Nam. Ông nhấn mạnh vai trò của môi trường HT, sự hỗ trợ từ gia đình, và động lực cá nhân trong việc hình thành và phát triển HVHT [1].

Nguyễn Công Khanh (2002) đã nghiên cứu về các yếu tố như thói quen HT, sự tương tác với GV và bạn bè, và việc sử dụng chiến lược HT, xem chúng như những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả HT của SV [4].

Tóm lại, các yếu tố động cơ, quản lý thời gian, kết nối trong HT và công nghệ đều có ảnh hưởng sâu sắc đến HVHT của SV. Việc hiểu rõ và tối ưu hóa các yếu tố này có thể giúp nâng cao hiệu quả HT và phát triển toàn diện cho SV.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp từ tài liệu

- Phân tích: Nghiên cứu phân tích các tài liệu, lý thuyết, và các nghiên cứu trước đó để hiểu rõ về khái niệm, quan điểm, và các yếu tố liên quan đến vấn đề HVHT của SV. Quá trình này bao gồm việc phân tích các thông tin thành các phần nhỏ hơn để đánh giá và hiểu rõ hơn.

- Tổng hợp: Sau khi phân tích, quá trình tổng hợp được thực hiện để kết hợp các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau nhằm xây dựng một cái nhìn toàn diện và hệ thống về HVHT và các yếu tố ảnh hưởng.

3.2. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi

- Nghiên cứu được tiến hành với việc khảo sát bằng bảng hỏi trên 200 SV các khối ngành khác nhau đang theo học ở Trường Đại học Nguyễn Tất Thành tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Trong bài viết này, chúng tôi trình bày các khía cạnh chính: (1) biểu hiện của HVHT trong lớp học và (2) các yếu tố ảnh hưởng tới biểu hiện hành vi.

4. Kết quả nghiên cứu về biểu hiện HVHT trong lớp học

4.1. Biểu hiện HVHT

Bảng 2.1 Mức độ biểu hiện các hành vi trong giờ học

Biểu hiện các hành vi trong giờ học	Mức độ biểu hiện (%)					ĐTB	ĐLC
	1	2	3	4	5		

Chăm chú nghe giảng, đặt câu hỏi, trao đổi với giảng viên (GV)	3,0	10,0	15,0	57,5	14,5	3,71	,939	
Trao đổi với bạn bên cạnh trong giờ học	4,0	11,0	15,0	56,5	13,5	3,65	,982	
Sử dụng điện thoại tìm tài liệu trong giờ học	5,0	8,5	26,0	48,5	12,0	3,54	,981	
Chi lắng nghe GV giảng bài	2,5	8,5	18,5	58,0	12,5	3,70	,887	
Tham gia làm bài nhóm, lên thuyết trình	2,0	3,0	10,0	57,0	28,0	4,06	,824	
Sử dụng điện thoại để nhắn tin, trao đổi với người khác	10,0	16,5	36,0	27,0	10,5	3,12	1,117	
Sử dụng điện thoại để lướt mạng xã hội	16,0	20,0	35,5	22,0	6,5	2,83	1,139	
Cảm thấy vui, tập trung chú ý trong giờ học	2,0	6,0	12,5	63,0	16,5	3,86	,833	
Cảm thấy chán, buồn ngủ trong giờ học	16,5	20,0	39,5	19,0	5,0	2,76	1,095	
Điểm trung bình (TBC) chung							3,47	

Kết quả khảo sát về biểu hiện HVHT trong lớp học của SV Trường Đại học Nguyễn Tất Thành ở bảng 2.1 cho thấy SV tích cực và chủ động trong việc tiếp thu kiến thức, với việc chăm chú nghe giảng và trao đổi với GV đạt ĐTB 3,71 và 3,65. Tham gia làm bài nhóm và thuyết trình cũng được thực hiện tốt với ĐTB 4,06, phản ánh sự hợp tác hiệu quả. SV còn có thái độ HT nghiêm túc, vui vẻ, và tập trung trong giờ học (ĐTB 3,86). Tuy nhiên, một số hành vi tiêu cực như sử dụng điện thoại nhắn tin (ĐTB 3,12) và lướt mạng xã hội (ĐTB 2,83) cũng xuất hiện, cho thấy sự phân tâm trong giờ học. ĐTB chung của các HVHT là 3,47, ở mức trung bình khá, nhưng cần cải thiện sự tập trung và giảm các yếu tố gây phân tâm.

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới biểu hiện HVHT trong lớp học

4.2.1. Các yếu tố khách quan

Bảng 2.2. Các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới biểu hiện hành vi và kết quả HT

Yếu tố khách quan	Mức độ ảnh hưởng (%)					ĐTB	ĐLC
	1	2	3	4	5		
Phương pháp giảng dạy của GV	2,5	3,5	15,0	44,5	34,5	4,05	,928
Nội dung bài học rất khó hiểu, khó tiếp thu	2,0	5,0	18,0	41,0	34,0	4,00	,951
Lớp học không thoải mái (nóng, nhiều tiếng ồn, các bạn nói chuyện riêng nhiều)	2,5	4,0	20,0	41,0	32,5	3,97	,956
GV quá nghiêm khắc gây ảnh hưởng sự thoải mái	2,0	7,0	23,5	38,5	29,0	3,86	,984
GV quá dễ dãi, thiếu kỷ luật cho lớp học	2,5	9,0	23,5	40,0	25,0	3,76	1,009
Thiếu giáo trình, tài liệu tham khảo	2,5	5,5	16,0	45,0	31,0	3,97	,958
Rất khó hỏi bài vì GV không sẵn sàng giải đáp	4,5	7,5	22,5	34,5	31,0	3,80	1,098

Được GV và các bộ phận khác hỗ trợ tích cực	3,5	4,5	18,0	36,5	37,5	4,00	1,027	
Môi trường HT của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	4,0	4,0	23,5	37,0	31,5	3,88	1,030	
ĐTB chung							3,92	

Kết quả khảo sát bảng 2.2 cho thấy các yếu tố khách quan tác động đáng kể đến hành vi và kết quả học tập của SV Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Phương pháp giảng dạy là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất (ĐTB 4,05), cùng với nội dung bài học khó hiểu (ĐTB 4,00). Môi trường học tập không lý tưởng và GV quá nghiêm khắc cũng có tác động tiêu cực (ĐTB lần lượt 3,97 và 3,86). Thiếu tài liệu tham khảo là một rào cản (ĐTB 3,97), nhưng sự hỗ trợ từ GV có ảnh hưởng tích cực (ĐTB 4,00). Tổng ĐTB các yếu tố là 3,92, cho thấy cần cải thiện phương pháp giảng dạy, nội dung học và môi trường để nâng cao hiệu quả học tập.

4.2.2. Các yếu tố chủ quan

Bảng 2.3 Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới HVHT

Yếu tố chủ quan	Mức độ ảnh hưởng (%)					ĐTB	ĐLC	
	1	2	3	4	5			
Khả năng hiểu, tư duy của SV	3,5	3,5	15,0	40,0	38,0	4,06	,993	
Phương pháp HT của SV	2,5	5,5	13,5	44,5	34,0	4,02	,961	
Tập trung nghe giảng, trao đổi bài trong lớp học	2,5	6,0	15,0	43,5	33,0	3,99	,974	
Đọc tài liệu tham khảo, tham khảo sách	3,5	4,0	21,5	42,0	29,0	3,89	,986	
Quản lý điện thoại thông tin và các thiết bị điện tử để tập trung học	3,0	5,5	22,0	40,0	29,5	3,88	,997	
Chủ yếu học tại nhà, ít đến giảng đường	4,5	7,5	29,0	37,5	21,5	3,64	1,042	
Sử dụng điện thoại làm việc riêng	4,5	5,5	25,0	34,0	31,0	3,82	1,075	
Đi làm thêm nhiều, thiếu giờ học bài	4,5	7,0	22,5	31,5	34,5	3,85	1,112	
Hay ngủ trong giờ giảng bài của GV	5,0	7,5	20,5	33,5	33,5	3,83	1,126	
Tham gia hoạt động nhóm, thuyết trình	4,5	7,5	18,0	42,0	28,0	3,82	1,066	
Thực hiện các yêu cầu của GV	3,5	6,0	20,5	42,5	27,5	3,85	1,008	
Thường xuyên vào thư viện để học	4,5	9,0	25,0	35,5	26,0	3,70	1,090	
ĐTB chung							3,86	

Kết quả khảo sát bảng 2.3 cho thấy các yếu tố tích cực ảnh hưởng đến HVHT của SV bao gồm: Khả năng hiểu và tư duy với ĐTB là 4,06, phương pháp học tập (ĐTB 4,02), tập trung nghe giảng và trao đổi bài trong lớp (ĐTB 3,99), và việc đọc tài liệu tham khảo (ĐTB 3,89). Ngược lại, các yếu tố tiêu cực như sử dụng điện thoại trong giờ học (ĐTB 3,82), đi làm thêm dẫn đến thiếu thời gian học bài (ĐTB 3,85), và ngủ trong giờ giảng bài (ĐTB 3,83) đều có ảnh

hưởng không tốt đến hành vi học tập của SV.

Tóm lại, các yếu tố chính ảnh hưởng tích cực bao gồm khả năng hiểu, phương pháp HT, tập trung nghe giảng và đọc tài liệu, trong khi việc sử dụng điện thoại riêng, đi làm thêm nhiều và ngủ trong giờ giảng bài lại ảnh hưởng tiêu cực đến HVHT của SV.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định HVHT là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công trong học tập của SV, bao gồm các hoạt động, thái độ và chiến lược mà SV sử dụng. Các yếu tố như động cơ học tập, quản lý thời gian, sự kết nối và công nghệ đều ảnh hưởng lớn đến HVHT. SV Trường Đại học Nguyễn Tất Thành có xu hướng tích cực trong học tập, nhưng vẫn tồn tại một số HV tiêu cực như sử dụng điện thoại và thiếu tập trung. Để nâng cao chất lượng học tập, cần cải thiện phương pháp giảng dạy, môi trường học và sự hỗ trợ từ GV.

***Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài có mã số 2023.01.89 của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tài liệu tham khảo

- [1]. Phạm Minh Hạc (1993), *Tâm lý học trong giáo dục*, NXB Giáo dục.
- [2]. Phạm Minh Hạc (1996), *Tâm lý học giáo dục*, NXB Giáo dục.
- [3]. Nguyễn Thị Phương Hoa (2010), *Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Nguyễn Công Khanh (2002), *Phương pháp HT hiệu quả*, NXB Đại học Sư phạm.
- [5]. Barkley, R. A. (2010), *Attention-deficit hyperactivity disorder: A handbook for diagnosis and treatment*, Guilford Press.
- [6]. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (2000), *The "what" and "why" of goal pursuits: Human needs and the self-determination of behavior*, *Psychological Inquiry*, 11(4), 227-268.
- [7]. Johnson, D. W., & Johnson, R. T. (1994), *Learning together and alone: Cooperative, competitive, and individualistic learning*, Prentice Hall.
- [8]. Macan, T. H. (1994), *Time-management training: Effects on time management skills, job performance, and stress*, *Journal of Occupational and Organizational Psychology*, 67(1), 85-97.
- [9]. Woolfolk, A. (2016), *Educational Psychology* (13th ed.), Pearson.
- [10]. Zimmerman, B. J. (2002), *Becoming a self-regulated learner: An overview*, *Theory into Practice*, 41(2), 64-70.